| PHÒNG GD&ĐT HUYỆN BA VÌ**TRƯỜNG THCS PHÚ ĐÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |
| --- | --- |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**

**PHÂN MÔN: ĐỊA LÍ LỚP: 6 THỜI GIAN LÀM BÀI: 45’**

| **TT** | **Chương/****chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết (TNKQ)** | **Thông hiểu****(TL)** | **Vận dụng****(TL)** | **Vận dụng cao****(TL)** |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TL** | **TL** | **TL** |  |
| **Phân môn Địa lí** |
| **1** | TẠI SAO CẦN HỌC ĐỊA LÍ? | – Những khái niệm cơ bản và kĩ năng chủ yếu | 1\* |  |  |  |  | 5% ( 0,5 điểm) |
| – Những điều lí thú khi học môn Địa lí | 1\* |  |  |  |  |
| – Địa lí và cuộc sống | 1\* |  |  |  |  |
| **2** | BẢN ĐỒ: PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT | – Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ | 3 |  | 1\* | 1\* |  | 45% (4,5 điểm) |
| – Các yếu tố cơ bản của bản đồ | 1\* |  | 1\* | 1\* |  |
| – Các loại bản đồ thông dụng | 2\* |  |  |  |  |
| - Lược đồ trí nhớ | 1\* |  |  |  | 1\* |
| ***Tỉ lệ*** | ***20%*** | ***15%*** | ***10%*** | ***5%*** |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**

**PHÂN MÔN: ĐỊA LÍ LỚP: 6 THỜI GIAN LÀM BÀI: 45’**

| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **Phân môn Địa lí** |
| 1 | TẠI SAO CẦN HỌC ĐỊA LÍ? | – Những khái niệm cơ bản và kĩ năng chủ yếu– Những điều lí thú khi học môn Địa lí– Địa lí và cuộc sống | **Nhận biết** Nêu được vai trò của Địa lí trong cuộc sống. | 3TN\* |  |  |  |
| 2 | BẢN ĐỒ: PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT | – Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ– Các yếu tố cơ bản của bản đồ– Các loại bản đồ thông dụng- Lược đồ trí nhớ | **Nhận biết**– Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu.– Đọc được các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình. | 7TN\* |  |  |  |
| **Thông hiểu**– Đọc và xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ. |  | 1TL |  |  |
| **Vận dụng**–Xác định được hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.– Biết tìm đường đi trên bản đồ. |  |  | 1TL |  |
| **Vận dụng cao**– Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân học sinh. |  |  |  | 1TL |
| Số câu/ loại câu |  | 8 câu TNKQ | 1 câu TL  | 1 câu TL | 1 câu TL |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***20*** | ***15*** | ***10*** | ***5*** |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**

**PHÂN MÔN: ĐỊA LÍ LỚP: 6 THỜI GIAN LÀM BÀI: 45**

**I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)**

***Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời mà em cho là đúng:***

**Câu 1:** Việc học địa lí không giúp học sinh phát triển kĩ năng nào sau đây

A. Sử dụng bản đồ B. Phân tích và xử lí thông tin

C. Xác định phướng hướng D. Cảm nhận âm thanh

**Câu 2:** Đường nối liền hai điểm cực Bắc và cực Nam trên bề mặt quả Địa Cầu gọi là

A. vĩ tuyến. B. kinh tuyến.

C. xích đạo D. đường chuyển ngày quốc tế.

**Câu 3:** Đường kinh tuyến gốc 00 đi qua đài thiên văn Grin- uýt thuộc quốc gia nào sau đây?

A. Anh. B. Pháp. C. Đức. D. Liên Bang Nga.

**Câu 4:** Trên quả Địa cầu, nếu cứ cách nhau 100, ta vẽ một kinh tuyến, thì có tất cả

A. 360 kinh tuyến. B. 36 kinh tuyến.

C. 180 kinh tuyến. D. 18 kinh tuyến.

**Câu 5:** Trên quả Địa cầu, nếu cứ cách nhau 100, ta vẽ một vĩ tuyến thì có tất cả

A. 181 vĩ tuyến. B. 180 vĩ tuyến.

C. 18 vĩ tuyến. D. 19 vĩ tuyến.

**Câu 6:** Bản đồ là:

A. Hình vẽ của Trái Đất lên mặt giấy.

B. Hình vẽ thu nhỏ trên giấy về khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.

C. Hình vẽ biểu hiện bề mặt Trái Đất lên mặt giấy.

D**.** Mô hình của Trái Đất được thu nhỏ lại.

**Câu 7**: Một bản đồ được gọi là hoàn chỉnh, đầy đủ khi

A. có màu sắc và kí hiệu. B. có bảng chú giải.

C. có đầy đủ thông tin, kí hiệu, tỉ lệ, bảng chú giải. D. có mạng lưới kinh, vĩ tuyến.

**Câu 8:** Các đối tượng địa lí được thể hiện trên bản đồ bằng cách

A. sử dụng hình ảnh thật của chúng. B. sử dụng hình vẽ của chúng.

C. sử dụng hệ thống các kí hiệu. D. viết tên của chúng trên bản đồ.

**II. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1 (1 điểm):** Dựa vào hình 12, em hãy xác định tọa độ địa lý của các điểm B, Đ, C, E



**Câu 2 (1,5 điểm):**

a)Bản chú giải có vai trò như thế nào khi đọc bản đồ?

b) Dựa vào bảng ghi tỉ lệ và khoảng cách trên bản đồ. Hãy tính khoảng cách ngoài thực tế:

| Tỉ lệ | Khoảng cách trên bản đồ | Khoảng cách thực tế (m) |
| --- | --- | --- |
| 1: 500000 | 7 cm |  |
| 1: 1000000 | 7 cm |  |

**Câu 3 (0,5 điểm**): Em hãy tưởng tượng và vẽ lại lược đồ trí nhớ từ nhà đến trường.